

## HỆ THỐNG BI KÝ CHAMPA VÙNG PANDURANGA TƯ LIỆU VÀ NHẬN THỨC<sup>(\*)</sup>

ĐỖ TRƯỜNG GIANG\*  
ĐỒNG THÀNH DANH\*\*

### 1. Đặt vấn đề

Vùng đất Ninh Thuận và Bình Thuận xưa thuộc tiểu quốc Panduranga vào thời kỳ Champa (1). Một tiểu quốc từng giữ vai trò quan trọng lịch sử Champa lẫn vùng Đông Nam Á, gắn liền với nhiều vương triều, thế lực chính trị tồn tại liên tục từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ XIX. Chính vì những lẽ đó, vùng đất này tồn tại rất nhiều dấu tích khảo cổ học của vương quốc cổ Champa, trong đó nổi bật là hệ thống các bi ký Champa với mức độ dày đặc và đa dạng về niên đại trải dài qua các thời kỳ lịch sử.

Hệ thống các bi ký (văn khắc) Champa đã sớm được các học giả người Pháp tiên phong về “Champa học” thống kê, nghiên cứu và dịch thuật như Bergaigne (2), Aymonier, Finot (3), sau đó là đến các học giả bên ngoài Pháp như Majumdar (4) trong thời kỳ cuối của giai đoạn thuộc Pháp đến tận năm sau chiến tranh với đại diện là Claude Jacques (5). Từ những năm 2000, sau một thời kỳ dài bị gián đoạn, các nghiên cứu về hệ thống bi ký cổ Champa, nhất là các bi ký Champa tại Ninh Thuận mới phát triển trở lại với hai đại diện quan trọng là Anne V.Schweyer (6) thuộc Trung tâm Khoa học quốc gia Pháp (CNRS) và Arlo Griffiths (7) thuộc trường Viễn đông Bác cổ Pháp (EFEO). Các học giả khác cũng đóng góp nhiều nghiên cứu, khám phá và dịch thuật các bi ký

Champa trong giai đoạn này như Karl-Heinz Golzio, Lepoutre Amandine (8).

Dựa vào nghiên cứu tư liệu của các học giả đi trước kết hợp với khảo sát thực địa trong năm 2024-2025, chúng tôi thống kê trong khu vực các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận (cũ) hiện có khoảng 41 bi ký, trong đó:

- 26 bi ký còn tồn tại ở tỉnh Ninh Thuận (8 bi ký ở Bảo tàng Ninh Thuận, 1 bi ký ở Bảo tàng Bình Thuận, còn lại vẫn nằm ở các di tích);
- 9 bi ký có nguồn gốc tại Ninh Thuận hiện đang lưu trữ và bảo quản tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam;
- 6 bi ký được các tài liệu của người Pháp thống kê nhưng không còn tồn tại trong thực địa.

Về mặt niên đại có thể phân chia các bi ký Champa ở Ninh Thuận và Bình Thuận thành 4 nhóm chính theo 5 giai đoạn lịch sử: các bi ký thời kỳ Virapura (thế kỷ VIII-IX); các bi ký thời kỳ Paramesvaravarman (thế kỷ XI); các bi ký thời kỳ chiến tranh với Khmer (thế kỷ XII); các bi ký thời kỳ Jaya Paramesvaravarman, Satyamutpanna và sau đó của Jaya Sinhavarman III (thế kỷ XIII đầu XIV). Ngoài ra, còn có các bi ký riêng lẻ gắn với một giai đoạn cụ thể khác các thời kỳ trên hoặc chưa xác định niên đại nên chưa thể xếp thành nhóm như bi ký Mỹ Hải (9) hoặc các bi ký Po Gha (10).

\* TS. Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

\*\* ThS. Trung tâm Bảo tồn Di sản văn hóa tỉnh Khánh Hòa

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung khảo tả các bi ký thuộc bốn nhóm ở các thời kỳ Virapura, Paramesvaravarman I, giai đoạn chiến tranh với Khmer và Jaya Sinhavarman III (thế kỷ XIII-XIV). Đây là các nhóm bi ký có hệ thống về niên đại, sự kiện lịch sử và có ý nghĩa quan trọng trong việc “phục dựng” lịch sử của vùng đất Panduranga trong lịch sử. Đồng thời có thể so sánh, đối chiếu với các bi ký và di tích cùng thời điểm ở các vùng lân cận như Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bình Định. Đặc biệt, chúng tôi không chỉ khảo tả dựa trên các bi ký tập trung tại các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận mà còn đối chiếu với các bi ký của Panduranga hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam.

## **2. Hệ thống các bi ký thời kỳ Virapura (thế kỷ VIII-IX)**

Virapura là tên gọi một kinh đô được đề cập trong các bi ký thời kỳ này như là trung tâm của các vua vùng Panduranga và Kauthara từng giữ vai trò quan trọng trong lịch sử Champa suốt thế kỷ VIII và IX. Các triều vua này có mối liên hệ mật thiết về huyết thống và đã xây dựng nên một nền văn minh rực rỡ mà biểu hiện rõ nhất là mở đầu việc xây dựng các đền, tháp Hindu tại Nha Trang (Khánh Hòa) mà nay gọi là tháp Bà Po Nagar (người Chăm gọi là Po Inur Nugar), xây dựng nhóm đền, tháp Hòa Lai, Po Sah Inur và Po Dam. Chính vì vị thế trung tâm của các tiểu quốc Panduranga trong hệ thống mandala Champa trong giai đoạn này, hầu hết các bi ký Champa thế kỷ VIII và IX đều tập trung tại đây, mà nhiều nhất là ở địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Bi ký Glai Lamaow (C24) hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam được dựng dưới triều vua Indravarman để ca ngợi công lao của chú ông là vua Prithivindravarman - người “cai trị toàn bộ

đất đai Champa”. Đây là tấm bi ký duy nhất đề cập đến vị vua này và đề cập đến vua Satyavarman (11), là anh trai của Indravarman. Sự kiện trung tâm của bi ký là thiết lập việc thờ thần Shiva vào năm 723 Saka (năm 801). Bi ký cũng lần đầu tiên nhắc đến tên gọi Kinh đô Virapura của cả triều đại. Tấm bi ký này được trưng bày tại Hà Nội nhưng được ghi chú là có nguồn gốc tại một địa điểm (chưa xác định) có tên là Glai Lamaow (tiếng Chăm) thuộc Ninh Phước nơi mà vài chục năm trước đây vẫn còn là một đền thờ nhỏ của người Chăm (12).

Bi ký Yang Tikuh hay Đá Trắng (C25) tại Bảo tàng tỉnh Ninh Thuận (13): Bi ký Đá Trắng đề cập đến hai sự kiện, trước hết là việc Indravarman đánh bại đội quân xâm lược từ Java vào năm 709 Saka (năm 787), sau đó là việc dựng nên cơ sở thờ tự thần Bhadrachhipatiwara vào năm 721 Saka (năm 799) (14). Như vậy, cả hai tấm văn khắc Glai Lamaow và Đá Trắng đề cập trực tiếp các sự kiện dưới thời kỳ Indravarman (khoảng năm 787 - 801 và đồng thời nhắc đến các vị vua tiền nhiệm ông là Prithivindravarman và Satyavarman.

Bi ký Phước Thiện (C217) được phát hiện vào năm 1992 hiện được lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh Ninh Thuận (15): nội dung ghi các sự kiện dưới thời Satyavarman, đề cập đến sự kiện thiết lập các linga và biểu tượng thờ cúng dưới thời Satyavarman trong niên đại 705 Saka (năm 784) (16). Tấm bi ký này đề cập đến các sự kiện cũng dưới thời Satyavarman như được nhắc đến tại văn khắc C38 tại tháp Bà Po Nagar.

Bi ký Hòa Lai (C216) phát hiện năm 2012 trong một đợt khai quật tại tháp Hòa Lai, hiện đang được trưng bày tại Bảo tàng tỉnh Ninh Thuận (17): phần đầu của bi ký này ghi lại các sự kiện tôn giáo dưới thời Satyavarman với niên đại sớm 700 Saka (năm 778) (18). Như vậy có thể tạm xác định

thời điểm trị vì của Satyavarman là khoảng năm 700-784. Phần cuối của tấm bi ký đề cập đến thời điểm 760 Saka (năm 839) dưới thời Vikrantavarman (vị vua cũng được đề cập tới trong văn khắc Hữu Đức như trình bày dưới đây).

Bi ký Hữu Đức (19) (C14) tại đền thờ Po Inu Nugar tại thôn Hữu Đức, xã Phước Hữu, Ninh Phước: tấm bi ký được viết dưới thời Vikrantavarman đề cập đến sự kiện ông cung hiến các vùng đất đai cho ngôi đền thờ thần Shiva vào năm 776 Saka (năm 854) (20). Vikrantavarman, là người nối nghiệp Harivarman, và đồng thời là cháu trai của Satyavarman mà nhiều bi ký quan trọng ở tháp Bà Po Nagar như: C31, C37, C38 cũng đề cập. Thông qua các niên đại của bi ký Hữu Đức, bi ký Hòa Lai và so sánh với các bi ký tại tháp Bà Po Nagar có thể tạm xác định thời điểm trị vì của Vikrantavarman vào khoảng những năm 839 - 854.

Ngoài ra, trong thời điểm này còn có một bi ký nhỏ Bal Kur (C23) đề cập đến niên đại 751 Saka (năm 829) dưới thời Vikrantavarman liên quan đến việc xây dựng các tu viện, đền thờ và việc dâng hiến đất đai cho các vị thần. Năm 2014, tại tháp Po Dam, xã Phú Lạc, Tuy Phong, Bình Thuận, trong đợt khai quật các nhà khảo cổ học đã phát hiện 1 phiến đá cổ có khắc chữ (C246), dù chỉ có vài dòng nhưng có đề cập đến niên đại 631 Saka (năm 710) - niên đại cổ nhất trong các bi ký hiện có, có thể là thời điểm xây dựng tháp. Năm 2020, các nhà nghiên cứu thuộc Trung tâm nghiên cứu Văn hóa Chăm và các cán bộ nghiệp vụ của Bảo tàng tỉnh Ninh Thuận cũng phát hiện một bi ký (C274) tại thôn Là A, xã Phước Hà, Thuận Nam, đến nay bi ký chưa được dịch nội dung nhưng dựa theo chữ viết, các nhà khoa học tạm xác định bi ký này có niên đại khoảng cuối thế kỷ VII-VIII. Rất có thể

bi ký tại Po Dam và bi ký Phước Hà đều có liên quan đến thời kỳ Virapura.

### 3. Hệ thống bi ký thời Paramesvaravarman

Bước vào thế kỷ thứ XI, các tiểu quốc Kauthara và Panduranga không còn giữ vai trò trung tâm của Champa như trước đó, nên các bi ký thời điểm này cũng xuất hiện ít hơn. Trong thời điểm này xuất hiện một vị vua tên là Paramesvaravarman, một nhân vật đến từ một tiểu quốc, đến từ phương Bắc (chưa xác định rõ địa điểm) đã chinh phục vùng đất Panduranga và lập các bi ký khẳng định quyền thống trị của mình tại khu vực này. Dưới thời kỳ này tại Ninh Thuận xuất hiện khoảng 4 bi ký có các nội dung tương tự khẳng định quyền thống trị của Paramesvaravarman (1050-1055).

Bi ký chùa Linh Sơn tại Phan Rang - Tháp Chàm (C119), đề cập đến việc vua Paramesvara/Paramesvaravarmadeva dựng nên một “đống đá” (silacayam trong văn bản tiếng Phạn và jayastambha trong văn bản tiếng Cam) để tưởng nhớ những trận chiến chống lại cư dân Panduranga vào năm 1050 (21). Đống đá này được tạo ra bởi những người lính bại trận, họ phải mang từng viên đá một để tạo thành “cột trụ chiến thắng” (jayastambha). Dòng chữ khắc trên hai mặt của một mỏm đá hiện được tìm thấy bên trong chùa Linh Sơn, cách đồi Po Klaong Garai vài trăm mét về phía Nam.

Một bi ký khác không được tìm thấy tại thực địa, nhưng có trong các ghi chép của người Pháp thời thuộc địa là bi ký C120 kể lại rằng śrī Devarāja, cháu trai của vua Paramesvara, đã chinh phục Panduranga (nagara panduranga) và dựng một linga bằng đá vào năm 1050, trên một ngọn đồi ngay phía Tây của ngọn đồi trước đó. Sau đó, ông ta yêu cầu những người bị đánh bại xây một hàng rào (pagâ), được dựng

bằng cách vận chuyển từng viên đá một (22).

Bi ký ở phía trước tháp Po Klaong Girai (C13) mà dân địa phương thường gọi là bi ký Bánh Ú, cho biết śrī Yuvarāja, cháu trai của vua Paramesvara, đã đến theo lệnh của chú mình để khuất phục quân đội Panduranga. Sau khi chiến thắng, ông đã dựng một linga bằng những viên đá do kẻ chiến thắng mang đến, sau đó là một cột chiến thắng (jayastambha), trên đỉnh đồi mà ngày nay là nơi có đền thờ Po Klaong Garai, vào năm 1050. Nơi này được gọi là Ajvañ Sauy trong văn bản (23). Dòng chữ này được tìm thấy trên ba mặt của một tảng đá nằm bên dưới đền thờ Po Kaong Garai, ở mặt tiền phía Đông của tháp. Nó được chạm khắc vào một mỗm đá và được bảo tồn trong khu di tích Po Klaong Girai.

Bi ký Hòn Đỏ (C.210) (24), được tìm thấy ở làng Mỹ Hiệp, xã Thanh Hải, Ninh Hải, cho phép chúng ta hoàn thiện thông tin hơn các bi ký trước đó cung cấp. Có vẻ như Śrī Yuvarāja, cháu trai của vua Paramesvara, đã kể lại cách ông đến để khuất phục những người đàn ông ở Panduranga; sau đó ông dựng một linga và một trụ chiến thắng tại nơi gọi là Ajvañ Sauy và một linga “ở rìa rừng Cnyā, về phía Bắc” (25). Khu vực này ngày nay, nằm ngay cạnh bờ biển nơi có một đền thờ gọi là Po Bia Chuai (một vị hoàng hậu Chăm) mà hàng năm người Chăm vẫn hành lễ, nơi đây được người dân địa phương gọi là Hòn Đỏ và đền thờ gọi là đền “Bà Đỏ”.

Cuối cùng, bi ký Phú Quý (C122) ngày nay không thể tìm thấy trong thực địa, nhưng được hồ sơ của các học giả người Pháp ghi chép lại (26). Nội dung bi ký này ngắn nhưng cũng đủ thể hiện quyền cai trị tuyệt đối của Paramesvara với vùng đất Panduranga người đã cho lập tu viện, sửa sang đền thờ và đã cung cấp ruộng đất, nô lệ

để phục vụ ngôi đền. Đặc biệt niên đại ghi trong bi ký này là 977 Saka (năm 1055).

Nhìn lại, nội dung và niên đại của các bi ký Champa thời kỳ này, có thể thấy rằng Paramesvaravarman là vị vua ở phía Bắc của vùng Ninh Thuận (có thể là ở Vijaya hoặc Amaravati) trị vì trong giai đoạn 1050-1055. Sau sự sụp đổ của vương triều Virapura, Paramesvaravarman đã cử các vị tướng hay hậu duệ của mình đến chinh phạt vùng đất Panduranga và bắt vùng đất này phải phục tùng quyền uy của ông. Như vậy, trong thế kỷ XI, từ vai trò trung tâm của Champa, vùng đất Panduranga đã trở thành một phiên thuộc của một trung tâm quyền lực mới ở phía Bắc của Champa.

#### **4. Bi ký Patau Tablah: Thời kỳ xung đột với Khmer**

Văn khắc trên đá này nằm trên một bãi đất trống giữa một cánh đồng, thuộc thôn Chung Mỹ (làng Bal Caong của người Chăm) thuộc địa phận thị trấn Phước Dân, Ninh Phước, cách Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm khoảng 12km về hướng Nam. Bi ký cao khoảng 3m50 và rộng 4m75, khắc chữ Sanskrit, gồm tất cả 17 hàng chữ, ghi nhận các biến cố, lịch sử của Champa dưới thời Jaya Harivarman I (1147-?), có niên đại 1160 (27). Các hàng chữ này được khắc trên một tảng đá tự nhiên bị nứt làm đôi nên gọi là Tablah, tiếng Chăm có nghĩa là Đá Nẻ hay Đá Chẻ.

Nội dung của văn khắc Patau Tablah đề cập đến thời kỳ Jaya Harivarman I, trong đó thể hiện các xung đột quyền lực giữa tiểu quốc Panduranga và Vijaya trong cuộc chiến tranh với đế chế Khmer thời Angkor. Hiện tại chúng tôi có được hai bản dịch của R.C.Majumdar và của PGS.TS. Thành Phần.

#### **5. Các bi ký Champa thế kỷ XIII và XIV**

Thế kỷ XIII và XIV là một giai đoạn lịch sử nhiều biến động của vùng đất Panduranga trong các cuộc xung đột quyền

lực giữa các tiểu quốc trong hệ thống mandala Champa. Chính vì vậy, trong thời kỳ này, cũng có nhiều nhóm bi ký khác nhau theo các nhân vật và diễn biến lịch sử. Có thể tạm phân làm 3 nhóm chính:

- Nhóm các bi ký liên quan đến Jaya Paramesvaravarman (II) và Sayamutpanna nằm trong khoảng giai đoạn 1123 Saka (năm 1230) đến 1196 Saka (năm 1274) (28). Nhóm này gồm 5 bi ký có ký hiệu từ C3 đến C7 hiện đang lưu trữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam, các bi ký này được người Pháp tìm thấy ở Ninh Thuận và đưa đến Hà Nội vào năm 1910.

- Bi ký Cà Đú (tiếng Chăm là Kanduk) ghi chép những diễn biến dưới thời Jaya Simharvarman II. Văn khắc này ghi lại rằng: Năm 1171 Saka (năm 1249), hoàng tử Sri Harideva, với tên hiệu là Pulyan Sri Yuvaraja vrom đến Panduranga. Năm 1179 Saka (năm 1257), vị hoàng tử này đăng quang lên ngôi lấy hiệu Jaya Simhavarman, sau đó vào năm 1188 Saka (năm 1266) tiếp tục đổi tên hiệu là Indravarman.

- Các bi ký thời Sinhavarman III (cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV), bao gồm 4 bi ký lớn được ghi ký hiệu lần lượt C8, C9, C10, C11, đó là bốn dòng chữ khắc trên 4 trụ cửa của ngôi tháp thờ chính tại nhóm đền, tháp Po Klaong Girai nổi tiếng tại Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm trước đây (phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hoà). Jaya Sinhavarman III, là vị vua nổi tiếng ở vùng Vijaya có tầm ảnh hưởng đến tận vùng Panduranga, để thể hiện quyền lực của mình, ông đã cho xây dựng đền thờ Shiva, dưới tên gọi Jaya Sinhavarmanlingesvara. Chính vì vậy, nội dung của cả bốn trụ cửa này ghi lại sự kiện này và đồng thời ghi nhận danh sách một số lượng khổng lồ ruộng đất và nô lệ mà Sinhavarman dâng cúng để phục vụ cho đền thờ và vị thần của mình (29).

## 6. Một số nhận xét và thảo luận

Trong nghiên cứu về lịch sử Champa, các bi ký tại vùng Panduranga đóng vai trò là nguồn tư liệu gốc không thể thiếu. Việc phân tích, đối chiếu hệ thống bi ký này theo từng thời kỳ không chỉ giúp tái cấu trúc các diễn biến lịch sử mà còn cho phép chúng ta tiếp cận sâu hơn với cơ cấu chính trị, tôn giáo và văn hóa của vương quốc cổ Champa.

Hệ thống các bi ký Champa cũng có nhiều nét đặc trưng riêng so với bi ký ở các vùng khác. Rất nhiều bi ký có kích thước khổng lồ và khắc trực tiếp vào các tảng đá lớn trong tự nhiên như Cà Đú, Đá Nẻ hay khắc trên các trụ cửa lớn như Mỹ Hải hay Po Klaong Girai. Các bi ký có chữ viết rất đẹp và tinh tế thể hiện nghệ thuật thư pháp như Phước Thiện, Hòa Lai. Nhiều bi ký Champa ở Ninh Thuận được người dân phụng thờ như một vị thần như bi Đá Nẻ, Hòn Đỏ. Trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, một số bi ký đã biến mất (6 bi ký) so với thống kê ban đầu của các học giả Pháp, nhiều bi ký đã bị di dời đến Bảo tàng Lịch sử Quốc gia trong thời kỳ thuộc địa (9 bi ký); một số bi ký được phát hiện mới gần đây (4 bi ký). Hiện nay, ngoài một số bi ký được giữ tại Bảo tàng Ninh Thuận (8 bi ký), phần còn lại của các bi ký đều thuộc các di tích hay địa điểm ngoài trời nhất là Phước Hà, Đá Nẻ, Cà Đú, Linh Sơn với tình trạng xuống cấp, bào mòn và xâm hại các bi ký này đang rất trầm trọng.

Nhìn vào số lượng, phân bố và niên đại của hệ thống các bi ký Champa ở Ninh Thuận và Bình Thuận cho thấy vùng đất Panduranga xưa là một trong những tiểu quốc quan trọng và hùng mạnh trong lịch sử Champa. Nội dung các bi ký có rất nhiều chi tiết lịch sử, sự kiện và nhân vật quan trọng gắn với mỗi thời kỳ khác nhau giúp tái hiện lịch sử vùng đất này từ thế kỷ VIII

đến thế kỷ XIV. Thông qua các bi ký này thể hiện Panduranga từng có nhiều vai trò khác nhau trong lịch sử, trong thế kỷ VIII-IX, tiểu quốc này cùng với Kauthara là trung tâm chính trị của Champa, nhưng từ thế kỷ XI đến XIII, tiểu quốc này trở thành đối tượng chinh phục và bị lệ thuộc vào các tiểu quốc ở phía Bắc Champa (đặc biệt là tiểu quốc Vijaya), nhưng điều này không làm mất đi vai trò quan trọng của vùng này, khi nơi đây vẫn liên tục là vùng tranh chấp trong các cuộc xung đột nội tại của người địa phương với các tiểu quốc phương Bắc và cũng nhiều lần là vùng tranh giành ảnh hưởng quan trọng dưới thời kỳ chiến tranh với Khmer. Từ thế kỷ XIII - XIV, các bi ký trên trụ của tháp Po Klaong Girai cũng thể hiện quyền cai trị tối cao của Vijaya với vùng đất này.

*Giai đoạn Virapura (thế kỷ VIII-IX): Bằng chứng về một trung tâm quyền lực khu vực*

Các bi ký từ giai đoạn Virapura cung cấp bằng chứng thuyết phục về vai trò trung tâm của Panduranga trong hệ thống chính trị Champa. Việc nhiều bi ký, như Glai Lamaow (C24) và Yang Tikuh (C25), tập trung ghi chép các sự kiện của một vài vị vua liên tiếp (Satyavarman, Indravarman, Vikrantavarman) cho thấy sự ổn định và kế thừa quyền lực tại đây. Các văn khắc như Hòa Lai (C216) với niên đại sớm nhất được xác định là năm 778 và Phước Thiện (C217) với niên đại 784 đã cho phép xác định một cách tương đối thời gian trị vì của Satyavarman. Việc các văn khắc này được tìm thấy tại Panduranga, cùng với nội dung tương tự tại tháp Bà Po Nagar (Kauthara), chứng minh mối liên kết chặt chẽ và vị thế đồng đẳng của hai tiểu quốc trong giai đoạn này.

Danh xưng Kinh đô Virapura được nhắc đến lần đầu tiên trong bi ký C24, nhấn mạnh sự ra đời của một trung tâm chính trị và tôn giáo có ảnh hưởng lớn tại khu vực này. Các nhà nghiên cứu đều nhận định Virapura có vị trí quan trọng đối với sự phát triển của tiểu quốc Panduranga trong các thế kỷ VIII-IX. Tuy nhiên, cho đến nay, cho dù đã có những cuộc khảo sát bước đầu, các nhà nghiên cứu vẫn chưa thể xác quyết được vị trí chính xác của đô thành Virapura. Qua kết quả của các lần khảo sát tiến hành trong năm 2022 và 2025, nhóm nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Kinh thành (nay là Viện Khảo cổ học) bước đầu xác định vị trí của đô thành Virapura nằm ở khu vực xung quanh gò Bàu Lầu (tiếng Chăm là Po Sah), một vị trí phía Tây - Nam của Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, và ở phía Bắc của làng Bàu Trúc hiện nay. Tại vị trí này, nhóm nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Kinh thành cùng với các chuyên gia của Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm Ninh Thuận đã khảo sát và tìm thấy nhiều dấu tích kiến trúc cổ, đồ gốm sứ Trung Quốc. Thông tin điền dã thu thập được cho biết khu vực này đã từng tìm được một số mảnh bi ký lớn nhưng hiện nay đang thất lạc. Các nghiên cứu tiếp theo có lẽ cần tiến hành khảo sát trên một không gian rộng lớn hơn, mở rộng khu vực khảo sát từ Bàu Lầu sang các khu vực lân cận ở phía Tây, tới làng Hữu Đức và làng Như Bình (nơi có bi ký Yang Tikuh và núi Đá Trắng nổi tiếng).

*Giai đoạn Paramesvaravarman (thế kỷ XI): Sự dịch chuyển quyền lực từ trung tâm ra ngoại biên*

Các bi ký thời Paramesvaravarman phản ánh sự suy yếu của Panduranga và sự trỗi dậy của một trung tâm quyền lực mới ở phía Bắc (Vijaya). Nội dung của các văn khắc này thể hiện rõ quá trình chuyển

đổi từ vị thế trung tâm sang một phiên thuộc. Các bi ký như Linh Sơn (C119), C120, và Po Klaong Girai (C13) đều ghi lại sự kiện Paramesvaravarman hoặc các cháu trai của ông đã chinh phục Panduranga và xây dựng “trụ chiến thắng” (jayastambha). Việc những người bại trận phải mang đá để xây dựng các trụ này không chỉ là một hành động mang tính biểu tượng của sự khuất phục mà còn là bằng chứng về một sự áp đặt quyền lực quyết liệt. Các bi ký cũng ghi lại việc dựng linga và đền thờ tại Po Klaong Garai không chỉ nhằm mục đích tôn giáo mà còn để khẳng định quyền lực chính trị. Việc này cho thấy các triều vua của tiểu quốc phía Bắc đã sử dụng tôn giáo như một công cụ để hợp pháp hóa sự cai trị của mình tại một vùng đất mới.

*Giai đoạn thế kỷ XII - XIV: Xung đột nội bộ và quyền lực ngoại bang*

Giai đoạn này được đánh dấu bởi sự bất ổn chính trị, với các cuộc xung đột giữa các tiểu quốc Champa và các thế lực ngoại bang, đặc biệt là Khmer.

Bi ký Cà Đú ghi lại quá trình thay đổi tên hiệu của Jaya Simhavarman II (từ Sri Harideva đến Indravarman) cho thấy sự phức tạp trong quá trình kế thừa và khẳng định quyền lực của các vị vua. Bốn bi ký tại Po Klaong Girai (C8-C11) là bằng chứng rõ ràng nhất về sự mở rộng ảnh hưởng của Vijaya dưới thời Jaya Simhavarman III. Việc ông cho xây dựng đền thờ Shiva tại đây không chỉ là một công trình kiến trúc mà còn là một tuyên bố chính trị về sự thống trị của mình đối với Panduranga. Nội dung chi tiết về việc cúng dường ruộng đất và nô lệ cho thấy sự

kiểm soát chặt chẽ của chính quyền trung ương Vijaya đối với tài nguyên và dân cư của Panduranga.

Bi ký Patau Tablah có niên đại 1160 là một tư liệu quan trọng để nghiên cứu về các cuộc xung đột giữa Panduranga và Vijaya trong bối cảnh chiến tranh với đế chế Khmer. Mặc dù các bản dịch của R.C. Majumdar và Thành Phần đã cung cấp những thông tin ban đầu, việc phân tích sâu hơn về ngôn ngữ và biểu tượng học của văn khắc này có thể mở ra những góc nhìn mới về vai trò của Panduranga trong bối cảnh địa chính trị khu vực.

Như vậy, hệ thống bi ký cổ Champa ở Panduranga có giá trị không chỉ nằm ở từng văn khắc đơn lẻ mà ở tính hệ thống và sự liên kết giữa chúng. Chúng cho thấy Panduranga đã trải qua các giai đoạn lịch sử rõ rệt: từ một trung tâm quyền lực rực rỡ (với trung tâm ở Virapura), đến một vùng đất bị chinh phục và trở thành phiên thuộc (dưới thời Paramesvaravarman), và cuối cùng là một đối tượng của cuộc đấu tranh quyền lực nội bộ (thế kỷ XII-XIV). Việc đối chiếu các bi ký này với các di tích và văn khắc ở các vùng lân cận (Kauthara, Vijaya) cũng cho phép các nhà nghiên cứu xây dựng một bức tranh toàn cảnh hơn về sự phát triển của vương quốc Champa. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức, chẳng hạn như việc giải mã đầy đủ các văn khắc mới được tìm thấy (như C246 và C274), và việc đối chiếu, so sánh các bản dịch khác nhau của cùng một văn bản (như Patau Tablah), để có thể đưa ra những kết luận chính xác và toàn diện hơn.

## CHÚ THÍCH

(\*). Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ: “Nghiên cứu hệ thống di tích khảo cổ

học Champa tại Ninh Thuận và Bình Thuận” do Viện Khảo cổ học chủ trì.

(1). Từ ngày 1-7-2025, tỉnh Ninh Thuận sáp nhập vào tỉnh Khánh Hòa lấy tên là tỉnh Khánh Hòa; tỉnh Bình Thuận sáp nhập vào tỉnh Lâm Đồng, lấy tên là tỉnh Lâm Đồng. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập tới các bi ký cổ Champa được phân bố và phát hiện trên địa bàn của 02 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận trước thời điểm sáp nhập tỉnh, cũng là địa bàn tương ứng với tiểu quốc Panduranga trong lịch sử.

(2). - Abel Bergaigne, "L'ancien royaume de Campâ, dans l'Indo-Chine d'après les inscriptions," *Journal Asiatique*, series 8, 11 (1888), 5-105.

- Abel Bergaigne, *Inscriptions sanscrites de Campâ* in vol. 27, pp. 181-292.

(3). - Louis Finot, "Notes d'épigraphie V: Pāṇḍuraṅga," *BEFEO*, 3 (1903), 630-648.

- Louis Finot, "Notes d'épigraphie XII: Nouvelles inscriptions de Pō Klauñ Garai," *BEFEO*, 9 (1909), 205-209.

- Louis Finot, "Notes d'épigraphie XIV: Les inscriptions du musée de Hanoi," *BEFEO*, 15 (1915)/2, 1-38.

- Louis Finot, "Notes d'épigraphie XV: Les inscriptions de Jaya Parameçvaravarman I roi du Champa," *BEFEO*, 15 (1915), 39-52.

(4). - R.C. Majumdar, *Champâ. History and Culture of an Indian Colonial Kingdom in the Far East, 2<sup>nd</sup> -16<sup>th</sup> Century A.D.* Book III. Delhi (1927; reprint: 1985): Gyan Publishing House.

- R.C. Majumdar, "La paléographie des inscriptions du Champa," *BEFEO*, 32 (1932), 127-139.

(5). - Claude Jacques, "épigraphie de l'Inde et de l'Asie du Sud-Est", *École pratique des hautes études, 4 Section: Sciences historiques et philologiques, Annuaire* (1976-1977), 981-991.

- Claude Jacques, "Épigraphie de l'Inde et de l'Asie du Sud-Est", *École pratique des hautes études, 4e Section: Sciences historiques et philologiques, Annuaire* (1977-1978), 1067-1080.

(6). - Anne-Valérie Schweyer, "Po Nagar de Nha Trang", *Aséanie*, 14 (2005), 109-140.

- Anne-Valérie Schweyer, "Po Nagar de Nha Trang, seconde partie: Le dossier épigraphique", *Aséanie*, 15 (2005), 87-120.

- Anne-Valérie Schweyer, "Les royaumes du pays cam dans la seconde moitié du XI<sup>e</sup> siècle", *Péninsule*, 59 (2009), 17-48.

- Anne-Valérie Schweyer. *Le temple de Po Klong Garai au Vietnam*. 2015. halshs-01172104 .

(7). - Arlo Griffiths and William A. Southworth, "La stèle d'installation de Śrī Satyadeveúvara: une nouvelle inscription du Campâ trouvée à Phước Thiện", *Journal Asiatique*, 295 (2007), 349-381.

- Arlo Griffiths, Amandine Lepoutre, William A. Southworth and Thành Phần, "épigraphie du Campâ 2009-2010: prospection sur le terrain, production d'estampages, supplément à l'inventaire", *BEFEO*, 95-96 (2008-2009 published 2012), 435-497.

Amandine Lepoutre, "Les inscriptions du temple de Svayamutpanna: contribution à l'histoire des relations entre les pouvoirs cam et khmer (de la fin du XII<sup>e</sup> siècle au début du XIII<sup>e</sup> siècle)", *Journal Asiatique*, 301 (2013)/2, 205-278.

(8). Amandine Lepoutre, "Les inscriptions du temple de Svayamutpanna: contribution à l'histoire des relations entre les pouvoirs cam et khmer (de la fin du XII<sup>e</sup> siècle au début du XIII<sup>e</sup> siècle)", *Journal Asiatique*, 301 (2013)/2, 205-278.

(9). Bao gồm 2 bi ký được phát hiện tại cửa biển Mỹ Hải, Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận, hiện được trưng bày tại Bào tàng Ninh Thuận.

(10). Gồm 3 bi ký, 1 bi ký ở tại một hang động thuộc thôn Xóm Bằng, Bắc Sơn, Thuận Bắc, Ninh Thuận và 2 bi ký cũng tại vị trí này nhưng đã được đưa về bảo quản tại Bào tàng tỉnh Ninh Thuận.

(11). Danh xưng và các sự kiện liên quan đến Satyavarman cũng được ghi nhận trong các bản văn khắc khác ở Tháp Bà Po Nagar (Nha Trang) mang ký hiệu C38.

(12). Thông tin phỏng vấn họa sĩ Đàng Năng Thọ (làng Bàu Trúc, Phước Dân, Ninh Phước).

(13). Bi ký gồm 2 mặt, khắc 37 dòng chữ Sanskrit.

(14). R.C. Majumdar, *Champâ. History and Culture of an Indian Colonial Kingdom in the Far East, 2<sup>nd</sup> -16<sup>th</sup> Century A.D.* Book III. Delhi (1927; reprint: 1985): Gyan Publishing House, p. 44-51.

(15). Bi ký gồm 2 mặt, mỗi mặt khắc 12 dòng chữ Sanskrit.

(16). Arlo Griffiths and William A. Southworth, "La stèle d'installation de de Śrī Satyadeveśvara: une nouvelle inscription du Campā trouvée à Phước Thiện," *Journal Asiatique*, 295 (2007), 349-381.

(17). Bi ký gồm 2 mặt với 1 dòng 15 hàng chữ và 1 dòng 20 hàng chữ Sanskrit, bên hông tám bi ký có 3 hàng chữ. Ngoài ra, còn có đế bi (bị rời) khắc có 2 dòng chữ.

(18). Arlo Griffiths and William A. Southworth, "La stèle d'installation de Śrī Satyadeveśvara: une nouvelle inscription de Satyavarman trouvée dans le temple de Hoà Lai et son importance pour l'histoire du Pāṇḍuraṅga," *Journal Asiatique*, 299 (2011), 271-317.

(19). Bi ký gồm 1 mặt với 17 dòng chữ Sanskrit.

(20). R.C. Majumdar, *Champâ. History and Culture of an Indian Colonial Kingdom in the Far East, 2<sup>nd</sup> -16<sup>th</sup> Century A.D.* Book III. Delhi (1927; reprint: 1985): Gyan Publishing House, p. 71-74.

(21). Louis Finot, "Notes d'épigraphie XII: Nouvelles inscriptions de Pō Klañ Garai," *BEFEO*, 9 (1909), 206-208.

(22). Louis Finot, "Notes d'épigraphie V: Pāṇḍuraṅga," *BEFEO*, 3 (1903), 630-648.

(23). Louis Finot, "Notes d'épigraphie V: Pāṇḍuraṅga," *BEFEO*, 3 (1903), 630-648.

(24). Đây là một phiến đá có chiều cao tối đa là 93 cm, có bốn mặt không đều nhau, có khắc chữ theo độ nhám. Văn bản này được viết bằng tiếng Phạn và tiếng Chăm cổ. Mặt A có 8 dòng chữ Phạn, Mặt B có 9 dòng chữ Chăm cổ, Mặt C có 10 dòng chữ Chăm cổ và Mặt D có 10 dòng chữ Chăm cổ.

(25). - Claude Jacques, "Épigraphie de l'Inde et de l'Asie du Sud-Est," *École pratique des hautes études, 4 Section: Sciences historiques et philologiques, Annuaire* (1976-1977), 981-991.

- Anne-Valérie Schweyer, "Les royaumes du pays cam dans la seconde moitié du XI<sup>e</sup> siècle," *Péninsule*, 59 (2009), 17-48.

(26). R.C. Majumdar, *Champâ. History and Culture of an Indian Colonial Kingdom in the Far East, 2<sup>nd</sup> -16<sup>th</sup> Century A.D.* Book III. Delhi (1927; reprint: 1985): Gyan Publishing House.

(27). Louis Finot, "Notes d'épigraphie V: Pāṇḍuraṅga," *BEFEO*, 3 (1903), 630-648.

(28). Dominic Goodall and Arlo Griffiths, "The Short Foundation Inscriptions of Prakāśadharman-Vikrāntavarman, King of Campā," *Indo-Iranian Journal*, 56 (2013), 419-440.

(29). Anne-Valérie Schweyer. Le temple de Po Klong Garai au Vietnam. 2015. halshs-01172104 .

